

Số: 23/2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm d khoản 1 Điều 26 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 120/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người sau cai nghiện;

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tin dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Thủ đô;

Xét Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị ban hành Nghị quyết "Quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội"; Báo cáo thẩm tra số 57/BC-BPC ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 188/BC-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.
2. Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Điều kiện được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ

1. Dự án đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

a) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật có dự án đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

b) Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

2. Cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (*sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất kinh doanh*) được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật có sử dụng tối thiểu 30% tổng số lao động là người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy và có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy là thành viên cùng hộ gia đình với chủ hộ kinh doanh hoặc là thành viên hộ kinh doanh thì không yêu cầu hợp đồng lao động.

Điều 4. Nội dung chính sách ưu đãi, hỗ trợ

1. Đối với dự án đầu tư vào cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

a) Miễn tiền sử dụng đất khi thành lập cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; thời gian hưởng chính sách: căn cứ thời gian dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền cho phép;

b) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ các hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; thời gian hưởng chính sách: trong thời hạn theo quy định của pháp luật và chính sách ưu đãi khác của Thành phố;

c) Hỗ trợ lãi suất vay vốn chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn ngân sách Thành phố ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội Thành phố khi thành lập cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

- Mức hỗ trợ: 50% lãi suất khi vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Hình thức hỗ trợ: Ngân sách Thành phố hỗ trợ trực tiếp đối với cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng sau khi hoàn thành nghĩa vụ trả lãi tại Ngân hàng chính sách xã hội. Thực hiện chi trả hỗ trợ 01 năm/01 lần đối với 01 cơ sở.

- Thời gian hưởng chính sách: trong 05 năm kể từ ngày thành lập.

d) Tiền ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và tiền khuyến khích, động viên cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống ma túy được tính là chi phí hợp pháp của doanh nghiệp khi hạch toán hoặc được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với cá nhân cư trú tại Thành phố.

2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng tối thiểu 30% tổng số lao động là người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong án phạt tù về ma túy

được vay vốn tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03/3/2026 của Chính phủ từ nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

- a) Mức vay tối đa là 10 tỷ đồng/cơ sở sản xuất kinh doanh và không quá 500 triệu đồng/người lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh;
- b) Lãi suất cho vay được áp dụng bằng lãi suất cho vay đối với đối tượng hộ nghèo theo quy định hiện hành của Hội đồng nhân dân Thành phố;
- c) Thời hạn cho vay: Áp dụng theo quy định hiện hành của chương trình tín dụng theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội.

3. Nguyên tắc áp dụng:

- a) Mỗi cơ sở sản xuất, kinh doanh, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 3 chỉ được hưởng 01 chính sách ưu đãi, hỗ trợ cao nhất về lãi suất vay vốn của Thành phố;
- b) Các trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng, sử dụng không đúng mục đích đăng ký dự án đầu tư sẽ thực hiện chấm dứt, thu hồi, bồi hoàn theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Nguồn kinh phí: nguồn ngân sách cấp Thành phố.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện các quy định của Nghị quyết;
- b) Ban hành quy định, hướng dẫn việc xác định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện ưu đãi hỗ trợ theo các chính sách quy định tại Nghị quyết, xác định, phân công rõ trách nhiệm và mối quan hệ, cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành và chính quyền địa phương trong việc thẩm định, giám sát và đánh giá định kỳ việc thực hiện chính sách theo các quy định hiện hành của Quốc hội, Chính phủ và của Thành phố;
- c) Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra và trách nhiệm giải trình trong việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định;
- d) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý thường xuyên rà soát, đánh giá sự cần thiết, phù hợp của văn bản được ban hành theo quy định của Nghị quyết này với quy định mới của pháp luật và yêu cầu của thực tiễn. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu phát sinh vướng mắc, Ủy ban nhân dân Thành phố cần kịp thời tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với tình hình thực tiễn triển khai tại thành phố Hà Nội.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, trách nhiệm liên quan đến việc thi hành Nghị quyết nêu trên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định tại Nghị quyết này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này nếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2026 - 2031, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQVN TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy, Văn phòng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND Thành phố;
- Các Sở, Ban, ngành Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà